

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 412/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Bình.

2. Ông Nguyễn Thanh Tiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích L1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 26, ấp BMB, xã BT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 235, tổ 12, ấp Bình Chiến, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

(Chị L1 có mặt, anh L2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L1 trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L2 tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BL. Sau khi kết hôn chị và anh L2 chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cả hai không tôn trọng nhau nên thường xuyên tranh cãi làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình, chị đã nhiều lần hàn gắn với anh L2 nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L1 yêu cầu được ly hôn với anh L2.

- Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 05/4/2011. Con chung hiện đang sống với anh L2, khi ly hôn chị L1 đồng ý để anh L2 tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn L2 vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đều thực hiện tuân theo pháp luật trong tố tụng. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do là không tuân theo pháp luật tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Về con chung giao cho anh L2 tiếp tục nuôi dạy là hợp lý và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thư, về cấp dưỡng anh L2 không có ý kiến và yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hôn nhân và gia đình, cụ thể chị Nguyễn Thị Bích L1 yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L2, con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 05/4/2011 chị L1 xin giao cho anh L2 tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung chị L1 khai không có, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện về tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết, do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên chị L1 làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn đúng quy định.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị L1 có mặt, anh L2 vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L2 là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị Bích L1 và anh Nguyễn Văn L2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, do vậy tại phiên tòa hôm nay, chị L1 yêu cầu xin ly hôn với anh L2, anh L2 vắng mặt lần

thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị L1 và anh L2 thật sự đã đổ vỡ, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay tranh cãi, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, hơn nữa tại biên bản xác minh thì được gia đình anh L2 cung cấp xác định anh L2 và chị L1 không còn sống chung trên 3-4 năm nay, điều này thể hiện vợ chồng anh L2, chị L1 không còn quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, mặc khác trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập anh L2 tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn nhưng anh L2 vẫn cố tình vắng mặt, điều này thể hiện anh L2 không muốn đoàn tụ gia đình, do vậy việc chị L1 xin ly hôn với anh L2 là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 05/4/2011, chị L1 xin giao con chung cho anh L2 nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu T đang sống ổn định với anh L2 và theo nguyện vọng của cháu T cũng có yêu cầu được sống chung với cha, do vậy Hội đồng xét xử xét giao cháu T cho anh L2 tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý.

[2.3] Về cấp dưỡng: Anh L2 không có ý kiến và yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L1 khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị L1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; số tiền án phí chị L1 phải chịu nói trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L1 đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0002274 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị L1 đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 233, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích L1 đối với anh Nguyễn Văn L2.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 05/4/2011 cho chị L1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L1 khai không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị L1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L1 đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số

00022274 ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị L1 đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Chị L1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hậu